NGUYỄN CHÍ BUYÊN ***(chủ biên)***
HOÀNG HOA TOÀN - LƯƠNG VĂN BẢO

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ TỘC NGƯỜI VÙNG BIÊN GIỚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI 2000

Cuốn sách này được sự tài trợ của
Quỹ Phát triển Văn hóa Thụy Điển - Việt Nam
This book is printed with funding by
Swedish - Vietnames culture developping fund

MỞ ĐẦU

Vấn đề nguồn gốc lịch sử tộc người ở vùng biên giới phía Bắc Việt Nam là vấn đề quan trọng, bởi vì nó liên quan đến nhiều mặt: đường biên giới lãnh thổ quốc gia, sinh hoạt kinh tế - văn hoá, chính trị, an ninh quốc phòng và quan hệ quốc tế.

Ở khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc, ngoài tộc người Kinh (Việt) còn có hơn 20 tộc người thiểu số anh em, đã nhiều thế kỷ qua quần cư sinh sống xen kẽ, cận kề bên nhau, giao lưu ngôn ngữ, văn hoá lâu đời với nhau trong cùng khu vực lãnh thổ tộc người, họ lại có truyền thống đấu tranh anh dũng chống thiên nhiên nghiệt ngã, chống giặc ngoại xâm, có ý thức tộc người và ý thức cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam từ thời cổ đại đến ngày nay.

Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu công trình "Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam" là việc làm mang tính cấp thiết để làm sáng tỏ thêm về nguồn gốc lịch sử và mối quan hệ của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới nước ta với các tộc người ở bên kia biên giới thuộc nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Từ trước tới nay, đã có nhiều học giả, nhiều nhà nghiên cứu thuộc nhiều ngành khoa học khác nhau: lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học, nhân chủng, ngôn ngữ, văn hoá giân gian... ở trong nước, ngoài nước nghiên cứu. Nhưng họ mới chỉ nghiên cứu riêng lẻ tộc người, hoặc ở góc độ chuyên môn khác nhau, chưa nghiên cứu một cách hệ thống toàn diện về các nguồn gốc

của các tộc người này. Các công trình của họ đã đăng tải ở một số sách chuyên khảo; các tạp chí chuyên ngành lịch sử, dân tộc và một số tạp chí khác.

Công trình này, chúng tôi chưa đủ điều kiện nghiên cứu tất cả các tộc người ở vùng biên giới phía Bắc, mà chỉ nghiên cứu trong phạm vi 17 tộc người thuộc 3 nhóm ngôn ngữ:

- Nhóm ngôn ngữ Tày – Thái

- Nhóm ngôn ngữ H'mông – Dao (Miêu – Dao)

- Nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến

Mục đích và ý nghĩa của công trình này, là để đóng góp phần nhỏ vào đường lối dân tộc của Đảng, phục vụ chính sách đại đoàn kết dân tộc của Chính phủ Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhằm củng cố về chính trị, phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ vững an ninh quốc phòng trên khu vực biên giới phía Bắc.

Nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho công trình, chúng tôi sử dụng nhiều công trình của các nhà nghiên cứu đi trước. Mặt khác, còn đi điền dã sưu tập tài liệu trong nhiều năm ở một số địa phương miền núi và sử dụng tài liệu của các Ban dân vận – dân tộc, Sở Văn hoá Thông tin, Cục Thống kê ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Ngoài tài liệu trên, chúng tôi còn sử dụng một số tác phẩm của các tác giả Liên Xô (cũ) và Trung Quốc đã nghiên cứu về các tộc người ở phía Nam Trung Quốc và phía Bắc Việt Nam để làm tài liệu nghiên cứu.

Công trình "Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam", chúng tôi trình bày như sau:

- Mở đầu:

- Phần một: Khái quát vùng biên giới phía Bắc

- Phần hai: Nguồn gốc và quá trình tộc người biên giới phía Bắc.

- Phần ba: Truyền thống ý thức cộng đồng dân tộc Việt Nam của các tộc người thiểu số vùng biên giới phía Bắc.

Công trình nghiên cứu của chúng tôi, khả năng còn hạn chế, chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, rất mong Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc, các nhà nghiên cứu, các bạn đọc lượng thứ và góp ý kiến bổ sung, giúp đỡ chúng tôi để công trình được hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn.

Thái Nguyên, tháng 12/1999

PHẦN MỘT

KHÁI QUÁT VÙNG BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

I. ĐỊA LÝ - TỘC NGƯỜI

1. Vài nét về lịch sử đường biên giới phía Bắc

Từ thế kỷ thứ X, Việt Nam là quốc gia có nền độc lập tự chủ và đường biên giới phía Bắc Trung - Việt được xác định từ tỉnh Lai Châu đến tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Đường biên giới phía Bắc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh lâu dài trong nhiều thế kỷ của nhân dân các dân tộc Việt Nam bằng những hình thức đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao để bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Sang thế kỷ XI đã có những cuộc đàm phán ngoại giao như: cuộc hội nghị Vĩnh Bình vào năm 1083 và 1084 giữa triều đình nhà Lý của Việt Nam và triều đình nhà Tống của Trung Quốc để bàn bạc về vấn đề biên giới và xác định đường biên giới chung của hai nước. Và cũng từ đây, cha ông ta lại càng tăng cường ý thức giữ vững lãnh thổ có chủ quyền nên đã vạch ra đường biên giới rõ rệt được hình thành trong quá trình lịch sử. Nhưng ở các hội nghị này chưa được ghi nhận bằng những văn kiện chính thức giữa

Việt Nam và Trung Quốc[1]. Từ đó qua nhiều thế kỷ cho mãi đến nửa sau của thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp thống trị nước ta thì chính phủ Pháp nhân danh đại diện cho Việt Nam mới chính thức đàm phán với triều đình Mãn Thanh (Trung Quốc) để xác định bằng những văn kiện chính thức về đường biên giới Việt - Trung. Vì vậy, tháng 6/1885, đại diện chính phủ Pháp ở Việt Nam và chính phủ Mãn Thanh đã thống nhất thoả thuận với nhau lập ra Uỷ ban liên hợp Pháp - Trung để khảo sát đường biên giới trên thực địa của hai nước Việt Trung. Đến ngày 26/6/1887 hai chính phủ trên đã ký Công ước hoạch định biên giới tại thủ đô Bắc Kinh (Trung Quốc). Theo Công ước này, trong Điều 1 có ghi: đã hoạch định đoạn biên giới giữa biệt Nam với các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, một phần tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) ở trên đất liền. Tám năm sau vào ngày 20/6/1895 cũng tại thủ đô Bắc Kinh, chính phủ Pháp và chính phủ Mãn Thanh lại ký Công ước bổ sung cho Công ước năm 1887 nhằm làm rõ thêm và chính xác hơn của đoạn biên giới Việt Nam ở phần đất thuộc tỉnh Vân Nam.

Theo Công ước quốc tế hoạch định đường biên giới quốc gia trên các văn bản phân vạch bằng Công ước và bản đồ hành chính, rồi hai bên phân vạch đường biên giới bằng những cuộc khảo sát cụ thể trên thực địa, đồng thời cắm các cột mốc quốc giới để làm chuẩn mực rõ ràng về đường biên giới hai nước Việt - Trung.

Vào đầu năm 1890, Uỷ ban liên hợp Pháp - Trung bắt đầu tiến hành xây dựng các cột mốc quốc giới và đến tháng 6/1897 mới hoàn thành bao gồm trên 300 cột mốc đã được cụ thể hóa

---

1. Vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. NXB Sự thật. Hà Nội - 1979, tr.37

đường biên giới trên thực địa, suốt từ tỉnh Lai Châu đến các lỉnh Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh (chưa kể đường biên giới ngoài biển và các hòn đảo ngoài biển Đông). Từ đây, cho tới năm 1 949, trải qua hơn 50 năm đường biên giới qua các triều đại phong kiến Trung Quốc, nhất là thời kỳ Tưởng Giới Thạch đứng đầu đất nước Trung Hoa đã gây ra nhiều vụ lấn chiếm đất đai ở nhiều địa điểm sang lãnh thổ Việt Nam. Nhưng đường biên giới về cơ bản cho tới nay vẫn được tồn tại.

Kể từ thời điểm ký Công ước, trải qua các giai đoạn lịch sử, các chính phủ kế tiếp nhau của hai nước vẫn thực hiện được chủ quyền đường biên giới ở mỗi nước. Đó là đường biên giới hoàn chỉnh, được hoạch định rõ ràng dựa trên cơ sở pháp lý quốc tế và dựa trên cơ sở khoa học đã được thể hiện bằng những văn kiện thoả thuận giữa hai bên Việt Nam và Trung Quốc.

Khi Cách mạng Trung Quốc thắng lợi năm 1949, Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập và cho tới năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam kết thúc, hoà bình lập lại ở Đông Dương thì Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà, luôn luôn mong muốn duy trì đường biên giới phía Bắc đã có từ lâu trong lịch sử để lại giữa hai nước, là đường biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài. Vì vậy, vào tháng 11/1957, Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam (tức Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay) có gửi bức Công hàm cho Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc với nội dung: hai bên giữ nguyên trạng đường biên giới do lịch sử để lại, vấn đề quốc giới là vấn đề quan trọng nên cần được giải quyết theo những nguyên tắc pháp lý đang có hoặc được xác định lại và phải do Chính phủ hai nước quyết định, mọi tranh chấp biên giới có thể xảy ra về biên giới lãnh thổ cần được giải

quyết bằng thương lượng hoà bình. Đến tháng 4/1958, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc trả lời đồng ý thoả thuận đề nghị của phía Việt Nam. Và từ đây, phía Việt Nam luôn luôn triệt để tôn trọng sự thoả thuận thống nhất giữa hai Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc và Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Nhưng thực sự từ.năm 1958 cho tới gần đây, tình hình biên giới phía Bắc cũng chưa thật được ổn định mà tới nay hai bên vẫn còn đang tiếp tục mở những cuộc đàm phán ở các cấp để giải quyết bằng phương pháp thương lượng, phù hợp với xu thế quan hệ quốc tế mới, nhằm ổn định hoà bình hữu nghị, hợp tác lâu dài đôi bên đều có lợi giữa nhân dân và Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

2. Các tỉnh biên giới phía Bắc (tên gọi, vị trí, giới hạn và diện tích)

Các tỉnh vùng biên giới phía Bắc Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ trọng yếu của Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Là địa đầu án ngữ và cũng là cửa ngõ con đường bộ của các quốc gia phương Bắc tên xuống vùng Đông Nam Á và các quốc gia từ phía tây đi sang, khai thông ra biển Thái Bình Dương. Phía Tây và phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam. Quảng Tây (Trung Quốc), phía Đông giáp tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) và biển Đông. Phía Nam và Tây Nam giáp các tỉnh: Sơn La, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Cạn, phía Đông Nam giáp Hải Phòng, Bắc Ninh và biển Đông.

Đường biên giới phía Bắc Việt - Trung, tính từ A-pa- Chải của huyện Mường Tè (Lai Châu) đến thị xã Móng Cái (Quảng Ninh) dài 1.437 khi đi qua lãnh thổ của 33 huyện và 152 xã thuộc sáu tỉnh (Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng

Sơn và Quảng Ninh)[1].

Tổng diện tích 6 tỉnh là: 54.93 1,22 km^2, chiếm 1/6 diện tích lãnh thổ cả nước.[2]

Các tỉnh biên giới phía Bắc trải qua nhiều thế kỷ, nhiều triều đại phong kiến Việt Nam đã đặt nhiều tên gọi khác nhau về đơn vị hành chính và qua từng thời kỳ, lúc sáp nhập, khi tách ra để phù hợp với sự thống trị của giai cấp phong kiến:

- Tỉnh Lai Châu: Dưới thời Lý - Trần thuộc lộ Đà Giang, dưới thời Lê thuộc trấn Gia Hưng sau đổi thành xứ Hưng Hóa trong đó có phủ Điện Biên gồm 5 châu: Ninh Biên, Lai Châu, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo và Tây An. Đến thời kỳ Pháp thống trị nước ta, năm 1910 thành lập tỉnh Lai Châu. Năm 1957, Lai Châu nằm trong Khu tự trị Thái - Mèo (sau đổi thành khu tự trị Tây Bắc). Khi đất nước thống nhất năm 1975, giải thể khu tự trị Tây Bắc thì Lai Châu là tỉnh trực thuộc Trung ương. Hiện nay có 8 huyện: Mường Lay, Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Tè, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tủa Chùa, Tuần Giáo và hai thị xã: Lai Châu và Điện Biên. Lai Châu nằm địa đầu miền Tây Bắc nước ta, vùng A-Pa-Chải là ngã ba biên giới Việt - Trung Lào. Đường biên giới Việt - Trung từ A-Pa-Chải đến đèo Khang Chu Văn dài 311 km, qua đất các huyện: Phong Thổ, Mường Tè, Sìn Hồ gồm 19 xã. Từ A-Pa-chải đến Mường tới giáp tỉnh Phong xa lì (Lào) dài 374 km, có điện tích rộng 17.069 km^2 là tỉnh rộng thứ năm cả nước, nằm ở vị trí 21^0- 22^0 độ bắc 102^0 kinh độ đông.

1.Đặng Nghiêm Vạn – Hoàng Hoa Toàn... Bộ đội cần biết về các dân tộc ở biên giới phía Bắc, NXB QĐND, Hà Nội – 1983, tr.5.

2. Theo bản đồ: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước xuất bản năm 1993.